TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HS-ST
Ngày: 17 - 3 - 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Đình Tiến.

Bà Lê Thị Tự.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Phạm Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 106/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị Phú Q, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1994 tại Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cước công dân số: 07719400xxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã B, huyện X, Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở hiện nay: U D, Phường L, quận V (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1969, đã chết) và bà Hồ Thị Hồng Q3 (sinh năm 1969); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo có chồng là Phan C (sinh năm 1991, đã ly thân) và 01 người con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 cho đến nay.

2. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số: 08219701xxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu T2 (sinh năm 1970); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình có 01 người con; Chồng, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 cho đến nay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phan Thanh T, sinh năm 2000; Địa chỉ: T Đ, Phường K, Quận M (nay là phường N), Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: Q V, Phường I, Quận D (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1985; Địa chỉ: L N, Phường R, Quận G (nay là phường B), Tp. Hồ Chí Minh;

2. Ông Lê Kim L, sinh năm 1967; Địa chỉ: D T, phường S (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 18 phút ngày 21/5/2025, anh Phan Hoài T là tài xế xe ôm công nghệ, nhận được tin nhắn có đơn hàng của Công ty R đến địa chỉ: số U D, Phường L, quận V (nay là phường H), Thành Phố Hồ Chí Minh để nhận hàng, giao đến địa chỉ: 50 P, phường Q, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh người nhận có số điện thoại: 0902505xxx, bằng phương thức chuyển khoản với giá tiền là 117.000 đồng. Khi anh T đến địa chỉ U D, Phường L, quận V (nay là Phường H), Thành Phố Hồ Chí Minh và gọi số điện thoại trên thì có 01 người phụ nữ giao cho anh T 01 túi giấy màu đỏ. Trên đường đi do nghi ngờ là ma túy nên anh T có trình báo cho Công an phường Q (nay là phường S) về sự việc. Khi đến trước địa chỉ 54-56 P, phường Q, Quận A anh T dùng điện thoại liên lạc với số điện thoại: 090250xxxx để ra lấy hàng thì có 01 người phụ nữ ra nhận túi đồ (tại Cơ quan Công an phường anh T biết được người phụ nữ là Nguyễn Thị Ngọc G). Khi anh T giao hàng xong thì Cơ quan Công an ập vào, tiến hành kiểm tra và đưa G vào bên trong quán Girl C địa chỉ số 50 P, phường Q, Quận A (nay là phường S) Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Nguyễn Thị Ngọc G có bạn là chị Nguyễn Kim Đ ngồi cùng bàn, kiểm tra 01 túi giấy màu đỏ bên trong là 01 hộp trắng chứa thức ăn, 01 bịch muối trắng đựng 01 gói zip bên trong có chứa bột màu trắng G khai nhận là ma túy Ketamine ở thể rắn, G mua của Nguyễn Thị Kim Q2 nên Cơ quan Công an phường Q (nay là phường S), đã đưa đối tượng G và Đ cùng tang vật về trụ sở để xác minh làm rõ.

Tiếp tục truy xét, Công an xác định người giao ma túy cho G là Nguyễn Thị Phú Q (sinh ngày 10/03/1994; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Số U D, Phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) nên mời về làm việc; Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Q tại địa chỉ số U D, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện thu giữ: 01 đoạn ống nhựa trong suốt; 01 hộp giấy màu xanh (nhãn Vitatree) bên trong có 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, ở thể rắn,

nghi là ma túy; 01 hũ nhựa màu xanh, nắp trắng bên trong chứa chất bột màu trắng ở thể rắn nghi là ma túy và 01 điện thoại di động hiệu Iphone và 01 cân tiểu ly.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Ngọc G khai nhận: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 20/5/2025, do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên G sử dụng điện thoại di động để đăng nhập ứng dụng nhắn tin, nghe gọi Telegram (tài khoản mang tên Nghigolden) nhắn tin mua ma tuý với Nguyễn Thị Phú Q (tài khoản mang tên Ni_Ni) với số tiền là 2.600.000 đồng. G sử dụng tài khoản số 60686xxxx - Mạng tên NGUYEN THI NGOC G chuyển số tiền nêu trên đến tài khoản cá nhân của Q số 037371xxxx - Mang tên NGUYEN THI PHU Q mở tại ngân hàng TMCP Quân Đội. Q khai nhận phù hợp với lời khai của G, Q cho biết nguồn ma túy bán cho G là Q mua tại Campuchia từ 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 20.000.000 đồng rồi mang về Việt Nam cất giữ, sử dụng. Số ma túy Q cất giữ tại địa chỉ: U D, Phường H, Thảo không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Q.

Nguyễn Kim Đ khai nhận phù hợp với Nguyễn Thị Ngọc G, Đ thấy G di chuyển ra ngoài cửa quán nhận đồ thì sau đó khoảng 10 phút thấy Công an đưa G vào quán để kiểm tra và thu giữ túi nylon bên trong chứa ma túy mà G đã đặt mua như nội dung trên. Đ không tham gia góp tiền mua ma túy với G; không sử dụng ma túy, Đ chưa kịp trình báo với Cơ quan Công an thì bị phát hiện và mời về làm việc, Đ không có liên quan đến hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nên Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý.

Kết luận giám định số 7191/KL-KTTH ngày 28/5/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Đối với 01 gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Thiếu tá Ao Hải Đ (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong 01 gói nylon chứa bột màu trắng (ký hiệu mẫu m) là ma túy Ketamine có khối lượng 1,6445 gram (thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc G).

Kết luận giám định số 7117/KL-KTTH ngày 29/5/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với số ma túy thu giữ của Nguyễn Thị Phú Q: 01 gói bột màu trắng được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) không xác định được khối lượng, tìm thấy Ketamine ở dạng vết. Bột màu trắng ký hiệu m2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, là ma túy Ketamine có khối lượng 0,3084 gam, Đối với gói 02: Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m3, cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, là ma túy Ketamine, có khối lượng 48,7466 gam (thu giữ của Nguyễn Thị Phú Q) tổng khối lượng là 49,055gram ma túy loại Ketamine.

Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Thị Phú Q (chưa rõ lai lịch); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

* *Vật chứng vụ án*:

- Ma túy còn lại sau giám định: 01 (một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2290 gói 1, có chữ ký điều tra viên Thiếu tá Ao Hải Đ và Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H2; 01 (một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2290 gói 2, có chữ ký điều tra viên Thiếu tá Ao Hải Đ và Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H2; 01 (Một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2286 có chữ ký điều tra viên Thiếu tá Ao Hải Đ và Giám định viên Đại úy Nguyễn Văn Út L2.

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc G: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, số IMEI: 359793758624586; IMEI2: 359793759506709 là tài sản cá nhân của G dùng để liên lạc gia đình, bạn bè và trao đổi mua ma túy với Q.

- Vật chứng thu của Nguyễn Thị Phú Q: 01 điện thoại di động Iphone 16 Promax màu vàng gold số Imel: 359922292921089; số imei2: 359922292816578, là tài sản cá nhân của Q dùng để liên lạc gia đình, bạn bè và trao đổi bán ma túy cho G.

- 01 cân tiểu ly là dụng cụ phân chia ma túy của Q.

- 01 (Một) túi giấy màu đỏ bên trong có 01 (Một) hộp trắng chứa thức ăn và 01 (Một) bịch muối là dụng cụ ngụy trang để cất giấu ma túy của Q.

- Vật chứng thu của Trần Kim Đ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone là tài sản cá nhân của Đ dùng để liên lạc gia đình, bạn bè, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Phú Q và Nguyễn Thị Ngọc G.

Tất cả các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam T (Cơ sở 2) - Trại tạm giam C theo Lệnh nhập kho vật chứng số C3652/LNK-CSHS ngày 08/8/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh; sau đó được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản về việc bàn giao vật chứng, tài sản ngày 10/01/2026.

Tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKS-KV1 ngày 20 tháng 11 năm 2025 và văn bản số 69/VKSKV1- HS ngày 05/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phú Q về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Thị Phú Q và Nguyễn Thị Ngọc G được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị

Phú Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 đồng, thời áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm l khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 55 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phú Q 07 đến 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt chung từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm tù.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phú Q nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 2.600.000 đồng.

Áp dụng đểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 đề nghị Hội đồng xét xử không phạt bổ sung các bị cáo.

Đối với vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Bị cáo Nguyễn Thị Phú Q khai: Bị cáo thừa nhận đã cất giữ 49,055 gam ma túy Ketamine tại nơi ở và bán một phần cho Nguyễn Thị Ngọc G qua ứng dụng Telegram như Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G khai: Bị cáo thừa nhận đã đặt mua 1,6445 gam ma túy Ketamine của Nguyễn Thị Phú Q và cất giữ số ma túy này để sử dụng như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không chối tội và xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/5/2025, Nguyễn Thị Phú Q có hành vi bán 1,6445 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine cho Nguyễn Thị Ngọc G. Ngoài ra, Nguyễn Thị Phú Q có hành vi cất giữ 49.055 gam Ketamine (gồm m1, m2 và m3) tại nơi ở số U D, phường H, Thành phố hồ Chí Minh để sử dụng. Nguyễn Thị Ngọc G đã có hành vi mua của Nguyễn Thị Phú Q khối lượng 1,6445 gam là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine để sử dụng cho bản thân.

[3] Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố; bị cáo Nguyễn Thị Phú Q có hành vi tàng trữ 49,055 gam ma túy loại Ketamine nên đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249; ngoài ra bị cáo Q còn có hành vi bán 1,6445 gam ma túy loại Ketamine cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G nên đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G có hành vi mua 1,6445 gam ma túy loại Ketamine của bị cáo Nguyễn Thị Phú Q để sử dụng cho bản thân đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025. Đồng thời, các bị cáo Nguyễn Thị Phú Q và Nguyễn Thị Ngọc G thống nhất với luận tội, lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Ma túy (nói chung) là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về tài sản của gia đình, xã hội mà còn gây tổn hại đến chính sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người sử dụng. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị rối loạn nhân cách, không làm chủ được hành vi, là nguyên nhân dẫn tới nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Chính vì vậy, pháp luật của Nhà nước ta nghiêm cấm việc tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, sẽ bị nghiêm trị nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn ham muốn cá nhân nên vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, gây nguy hại đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia; xâm phạm hoạt động của Nhà nước trong việc quản lý và kiểm soát các chất ma túy. Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng nên cần cách ly khỏi xã hội với thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Phú Q và Nguyễn Thị Ngọc G được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa, gia đình bị cáo Nguyễn Thị Phú Q cung cấp cho Hội đồng xét xử bản sao y Huân chương chiến công hạng ba của ông Nguyễn Văn H3 (theo Nghị quyết số 240 KT/HĐNN ngày 14/6/1989) và cho rằng ông Nguyễn Văn H3 là chú ruột của bị cáo Q, là người có công với cách mạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng tình tiết giám nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025. Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ về mối quan hệ nhân thân giữa bị cáo Q và ông Nguyễn Văn H3. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 cho bị cáo Q.

[7] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, hành vi và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Phú Q khai nhận đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G số tiền là 2.600.000 đồng. Xét thấy đây là số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo G chuyển vào tài khoản của bị cáo Q. Do đó buộc bị cáo Nguyễn Thị Phú Q nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 2.600.000 đồng.

[10] Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Thị Phú Q (chưa rõ lai lịch); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[11] Đối với Nguyễn Kim Đ: Đ không tham gia góp tiền mua ma túy với G, không sử dụng ma túy, không có liên quan đến hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Ngọc G nên Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có cơ sở.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Ma túy còn lại sau giám định: 01 (một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2290 gói 1, có chữ ký điều tra viên Thiếu tá Ao Hải Đ và Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H2; 01 (một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2290 gói 2, có chữ ký điều tra viên Thiếu tá Ao Hải Đ và Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H2; 01 (Một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2286 có chữ ký điều tra viên Thiếu tá Ao Hải Đ và Giám định viên Đại úy Nguyễn Văn Út L2. Xét ma túy là vật cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, số IMEI: 359793758624586; IMEI2: 359793759506709 là điện thoại bị cáo G sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Promax màu vàng gold số Imel: 359922292921089; số imei2: 359922292816578 là điện thoại di động Q sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ 01 cân tiểu ly là dụng cụ phân chia ma túy và 01 túi giấy màu đỏ bên trong có 01 hộp trắng chứa thức ăn và 01 bịch muối là dụng cụ ngụy trang để cất giấu ma túy của Q, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của Nguyễn Kim Đ, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Đ là có cơ sở.

(theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10/01/2026).

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm l khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 55 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

- Xử phạt: Nguyễn Thị Phú Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2025.

2. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc G 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2025.

3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phú Q nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 2.600.000 đồng.

4. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2290 gói 1; 01 (một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2290 gói 2 và 01 (Một) gói ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong bên ngoài ghi số 2286.

+ 01 cân tiểu ly là dụng cụ phân chia ma túy và 01 túi giấy màu đỏ bên trong có 01 hộp trắng chứa thức ăn và 01 bịch muối.

- Nộp vào Ngân sách Nhà nước:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, số IMEI: 359793758624586; IMEI2: 359793759506709 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Promax màu vàng gold số Imel: 359922292921089; số imei2: 359922292816578.

(theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10/01/2026).

5. Căn cứ Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thị Phú Q, Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an TP.HCM (CQCSĐT - PV06);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 1 - TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Hạnh